

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ5 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 132017302403 - Qu n Iĩ v© khai th c ã ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010588	35CCĐ5	Tr ng C»ng	Anh	07/08/1992	8.0						8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	N HP
2	3571010593	35CCĐ5	ñ @ Quang	Bình	01/05/1993	6.0						6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
3	3571010505	35CCĐ5	Nguy n ã ãnh	Chung	11/09/1992	6.5						6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	N HP
4	3571010932	35CCĐ5	H Ti n	Đi ¼g	24/10/1993	5.5						5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
5	3571010578	35CCĐ5	Tr n T n	ñ t	07/02/1993	8.5						8.5	2.6	8.5	6.0	8.5	
6	3571010524	35CCĐ5	Nguy n H i	ñ Ñg	27/01/1993	6.0						6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
7	3571010591	35CCĐ5	Phan Th ng	ñ ng	25/02/1993	8.0						8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
8	3571010618	35CCĐ5	Tr n VÑñ	ñ c	09/11/1993	7.0						7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
9	3571011214	35CCĐ5	D ng Ng ^a n	Giang	27/12/1993	8.5						8.5	2.6	8.5	6.0	8.5	
10	3571010532	35CCĐ5	Tr n Nguy n H u	H o	15/10/1993	7.0						7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
11	3571010614	35CCĐ5	B ¼i Ng c	Hoàng	12/12/1993	9.0						9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
12	3571011185	35CCĐ5	Tr n VÑñ	Hôn	16/07/1993	8.5						8.5	2.6	9.0	6.3	8.9	
13	3571011206	35CCĐ5	Tri u VÑñ	H u	25/03/1992	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
14	3571011173	35CCĐ5	Nguy n Phi	Kh ng	22/05/1993	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
15	3571011203	35CCĐ5	V ½Th	Kh ng	07/03/1992	7.5						7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
16	3571010492	35CCĐ5	Tr n Thanh	Liêm	09/08/1993	8.0						8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
17	3571011187	35CCĐ5	Phan VÑñ	L c	04/03/1993	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
18	3571011054	35CCĐ5	Nguy n Vi t	Nghiêm	03/05/1993	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	N HP
19	3571010624	35CCĐ5	Ph m VÑñ	Ngh ¼	02/03/1993	7.0						7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	N HP

Kh¹a h c : **L p h c :** 35CCĐ5 **N¹m h c :** 2013-2014 **ñ VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)
H ñT : **H c ph n :** 132017302403 - Qu n lĩ v©khai th" c ñ ng **H c km :** HK02

STT	Mí S	L P SV	H Ñi T c N	NGÀY SINH	ñI M THI NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010931	35CCĐ5	Võ Anh Nguyễn	19/05/1992	7.0						7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	N HP
21	3571011002	35CCĐ5	L² Qu c Nh t	10/01/1991	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3571011184	35CCĐ5	L² H ng Phong	20/09/1993	7.5						7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	
23	3571011613	35CCĐ5	L u Thanh Phong	01/01/1993	7.0						7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
24	3571011026	35CCĐ5	Nguy n Thanh Phong	06/08/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
25	3571010539	35CCĐ5	Tiêu Thanh Sang	13/10/1993	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
26	3571011207	35CCĐ5	Nguy n Th Tài	30/08/1993	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	N HP
27	3571010463	35CCĐ5	Nguy n ñ c Tâm	14/09/1993	7.5						7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	N HP
28	3571010622	35CCĐ5	Lĩ ñ c Ti n	24/09/1992	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
29	3571011177	35CCĐ5	Nguy n Ti n	02/02/1993	7.0						7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
30	3571010552	35CCĐ5	Nguy n Trung Thành	18/07/1992	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
31	3571010495	35CCĐ5	Nguy n Kim Thân	22/06/1992	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3471010309	35CCĐ5	Nguy n Hoang Thiên	14/03/1992	7.0						7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
33	3571010520	35CCĐ5	Thái Doãn Thông	14/09/1993	5.0						5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	N HP
34	3571011350	35CCĐ5	Nguy n Tri u	11/01/1993	7.5						7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	N HP
35	3571010574	35CCĐ5	ñ Minh Trí	06/02/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
36	3571011153	35CCĐ5	Lê Thanh Tr ng	23/02/1993	8.5						8.5	2.6	9.0	6.3	8.9	
37	3571011022	35CCĐ5	Nguy n Vñ Tr ng	14/12/1992	8.0						8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
38	3571011204	35CCĐ5	Mai Xuân VHO	29/05/1993	6.5						6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	

T ñg s : 38 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa